TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2026/HNGĐ-ST
Ngày 18/9/2026
V/v *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lù Xuân Tờ;

2. Bà Triệu Thị Liên.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Lò Là Cáo – Thư ký viên Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 18/9/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 86/2026/TLST-HNGĐ ngày 10/04/2026 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/8/2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 22/2026/QĐST-HNGĐ ngày 03/9/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Sú Thị Tr, sinh năm: 1998, số căn cước công dân: 002198000346 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 22/11/2022, địa chỉ: Thôn T, xã T1, tỉnh Tuyên Quang; *vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt*;

2. Bị đơn: Anh Min Seo Ng, sinh năm: 1997, số căn cước công dân: 002097000371 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/9/2025, địa chỉ: Thôn T, xã T1, tỉnh Tuyên Quang; *vắng mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 08/04/2026, bản tự khai ngày 15/04/2026 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Chị Sú Thị Tr trình bày:*

Chị Sú Thị Tr và anh Min Seo Ng tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đăng ký kết hôn ngày 20/11/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T2, huyện H, tỉnh Hà Giang *(nay là Ủy ban nhân dân xã T1, tỉnh Tuyên Quang)*. Sau khi lấy nhau về vợ chồng anh chị cùng nhau làm ăn, chăm lo xây dựng gia đình và sinh được hai đứa con chung. Trong quá trình vợ chồng chung sống, anh Ng thường xuyên rượu chè về chửi bới, không giúp chị Tr chăm sóc gia đình, làm ăn kinh tế, chị đã góp ý, khuyên bảo chồng nhiều lần nhưng anh không chịu thay đổi và có hành

vi dùng bạo lực đối. Việc mâu thuẫn ngày một trầm trọng, không thể hàn gắn, nên chị Tr đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng anh chị đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Sự mâu thuẫn của hai vợ chồng đã được thôn hòa giải và gia đình khuyên bảo nhưng không giải quyết được. Nay chị Tr cảm thấy cuộc sống hôn nhân không được hạnh phúc tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhận không đạt được, vì vậy chị đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn với anh Min Seo Ng.

Về con chung: Chị Sú Thị Tr và anh Min Seo Ng có hai đứa con chung tên là: Cháu Min Thị L, sinh ngày 28/05/2017 và cháu Min Sy B, sinh ngày 25/06/2019. Vợ chồng ly hôn, chị Tr đề nghị giao cháu Min Thị L, sinh ngày 28/05/2017 cho chị là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Cháu Min Sy B, sinh ngày 25/06/2019 giao cho anh Min Seo Ng là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại đơn trình bày ý kiến ngày 22/7/2026 của chị Tr, chị có thay đổi ý kiến về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn, cụ thể là chị đề nghi giao cháu Min Thị L, sinh ngày 28/05/2017 cho anh Min Seo Ng là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung, hàng tháng chị sẽ cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Min Thị L, sinh ngày 28/05/2017 là 1.000.000đồng (*Một triệu đồng*)/tháng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Lý do chị Tr thay đổi nguyện vọng là do hiện tại chị không có chỗ ở ổn định, không có nhà cửa, đất đai để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu sau khi ly hôn. Hiện tại chủ yếu là ở nhờ với bố mẹ đẻ và anh trai, nếu ly hôn thì chị sẽ không có chỗ ở ổn định lâu dài. Ngoài ra hiện cả hai cháu đều ở với anh Min Seo Ng, anh Ng có nhà cửa kiên cố, ổn định, có đất đai canh tác và có ông bà nội là bố mẹ anh Ng giúp đỡ chăm sóc hai cháu, nên chị nhận thấy việc để hai cháu cho anh Ng chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp và đảm bảo cho sự phát triển của các cháu. Về việc chu cấp cho các cháu, vì hiện tại chị đi làm công ty, thu nhập không ổn định nên không thể chu cấp đồng thời cho hai cháu, do đó chị sẽ chu cấp cho cháu Min Thị L.

Về tài sản chung, về công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Toà án giải quyết.

Do tính chất công việc nên chị không tham gia phiên tòa xét xử vụ án Hôn nhân gia đình giữa chị và anh Min Seo Ng được nên chị Tr có gửi đơn xin xét xử vắng mặt đến Tòa án với nội dung giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện và yêu cầu bổ sung trong đơn trình bày ý kiến.

** Tại đơn trình bày ý kiến ngày 06/8/2026, bị đơn anh Min Seo Ng trình bày:* Anh Min Seo Ng và Chị Sú Thị Tr tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào 2017 tại Ủy ban nhân dân xã T2, huyện H, tỉnh Hà Giang *(nay là Uỷ ban nhân dân xã T1, tỉnh Tuyên Quang).* Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc với nhau đến khoảng năm 2022 thì vợ chồng anh chị có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng được gia đình hai bên khuyên bảo nhưng vẫn không cải thiện. Từ năm 2022 chị Tr bỏ nhà đi làm đến nay không trở về, hiện anh chị

không còn ở với nhau, mỗi người một nơi, vợ chồng anh chị đã sống ly thân được hơn 04 năm nay. Nay mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên anh Ng đồng ý ly hôn với chị Tr.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có hai con chung: Cháu Min Thị L, sinh ngày 28/05/2017 và cháu Min Sy B, sinh ngày 25/06/2019. Anh Ng cho biết, hiện cả hai cháu đều đang ở với anh, do anh chăm sóc, nuôi dưỡng. Vợ chồng ly hôn, anh Ng đề nghị giao hai cháu Min Thị L, sinh ngày 28/05/2017 và cháu Min Sy B, sinh ngày 25/06/2019 cho anh là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu cho đến khi cháu L và cháu B đủ 18 tuổi. Yêu cầu chị Tr phải cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Min Thị L là 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*)/tháng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng anh chị tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký Tòa án được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình: Đề nghị Toà án tuyên xử: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Sú Thị Tr. Đề nghị xử cho Chị Sú Thị Tr được ly hôn với anh Min Seo Ng. Về con chung: Giao hai cháu Min Thị L, sinh ngày 28/05/2017 và cháu Min Sy B, sinh ngày 25/06/2019 cho anh Min Seo Ng là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu cho đến khi cháu L và cháu B đủ 18 tuổi. Chị Tr phải cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Min Thị L là 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*)/tháng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Chị Tr, anh Ng có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị Sú Thị Tr được miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn Chị Sú Thị Tr có đơn khởi kiện về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" với bị đơn anh Min Seo

Ng, anh Ng có hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã T1, tỉnh Tuyên Quang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn Chị Sú Thị Tr có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do đang bận công việc không xin nghỉ để về tham gia phiên tòa được, nên chị Tr có đơn xin được giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Min Seo Ng vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn Chị Sú Thị Tr và bị đơn anh Min Seo Ng là có căn cứ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn Chị Sú Thị Tr, bị đơn anh Min Seo Ng, các biên bản xác minh với đại diện quản lý thôn, người thân hai bên gia đình chị Tr, anh Ng thấy rằng: Sau khi vợ chồng đăng ký kết hôn vào ngày 20/11/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T2, huyện H, tỉnh Hà Giang *(nay là Ủy ban nhân dân xã T1, tỉnh Tuyên Quang)*, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và chung sống với nhau tại nhà bố đẻ của anh Ng là ông Min Phà Th và bà Cáo Thị Th1, đến khoảng tháng 02/2018 thì anh chị ra ở riêng cạnh nhà ông Th và bà Th1, hai nhà vẫn qua lại giúp đỡ nhau. Trong thời gian anh chị chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến cãi vã, chửi bới nhau và nhiều lần xảy ra đánh nhau. Nguyên nhân do anh Ng hay đi uống rượu, mỗi lần uống rượu say về mắng mỏ chị Tr rồi hai vợ chồng lại xảy ra cãi nhau. Hai bên gia đình và chính quyền thôn đã nhiều lần xuống thực hiện giải hòa, giải quyết mâu thuẫn của anh chị nhưng mâu thuẫn vẫn không cải thiện, việc hoà giải không được thành lập biên bản. Anh Ng và chị Tr sống với nhau đến năm 2021 thì chị Tr bỏ nhà đi làm đến nay không quay về nhà chung sống với anh Ng. Nguyên nhân là do anh Ng hay uống rượu, say vào lại mắng mỏ và đánh đập chị Tr nên chị bỏ nhà đi. Qua xác minh với trưởng thôn, công an xã và bố mẹ chị Tr là ông Ph và bà Q, từ thời điểm chị Tr đi làm ăn xa thi thoảng chị vẫn quay trở về địa phương, về nhà bố mẹ đẻ chị để ở nhưng không quay về chung sống với anh Ng. Hiện nay, chị Tr và anh Ng không ở với nhau, mỗi người một nơi, không ai quan tâm, hỏi han đến nhau và không biết nhau đang làm công việc gì. Chị Tr đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương, anh Ng vẫn ở nhà trên địa bàn Thôn T, xã T1, tỉnh Tuyên Quang và thi thoảng có đi làm thuê. Thời gian xa nhà anh chị có gọi điện về hỏi thăm tình hình sức khỏe của bố, mẹ và các con, nhưng không hỏi về tình hình của các bên. Xét thấy vợ chồng chị Tr, anh Ng đã sống ly thân nhau mà không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; người nào biết bổn phận của người đó, không có sự liên lạc, vun đắp, chia sẻ cùng nhau. Như vậy là cả hai vợ chồng đều vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình cần chấp nhận

yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho Chị Sú Thị Tr được ly hôn với anh Min Seo Ng là có cơ sở.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị Tr, anh Ng có 02 (*Hai*) con chung là cháu Min Thị L, sinh ngày 28/05/2017 và cháu Min Sy B, sinh ngày 25/06/2019. Trường hợp ly hôn chị Tr và anh Ng đều có nguyện vọng giao hai cháu Min Thị L, sinh ngày 28/05/2017 và cháu Min Sy B, sinh ngày 25/06/2019 cho anh Ng là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu cho đến khi cháu L và cháu B đủ 18 tuổi. Hiện nay cả hai cháu L và cháu B đang ở cùng với anh Ng, do anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và có sự giúp đỡ từ ông Th, bà Th1 là ông bà nội của các cháu, chị Tr cũng thường xuyên gửi tiền về cho các cháu. Bản thân anh Ng có ruộng đất, có nhà cửa kiên cố ổn định đảm bảo cho việc chăm sóc các cháu. Tại biên bản về việc ghi ý kiến nguyện vọng con chung thì cháu L và cháu B đều có nguyện vọng sau khi bố mẹ ly hôn đều mong muốn được ở với bố là anh Min Seo Ng. Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến trình bày của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của con chung và bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con, nên căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, cần giao hai cháu Min Thị L, sinh ngày 28/05/2017 và cháu Min Sy B, sinh ngày 25/06/2019 cho anh Min Seo Ng là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L và cháu B đủ 18 tuổi là phù hợp. Chị Sú Thị Tr và anh Min Seo Ng được quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Chị Sú Thị Tr có nguyện vọng được cấp dưỡng cho cháu Min Thị L là 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*)/tháng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi và bị đơn anh Min Seo Ng có đề nghị chị Tr phải cấp dưỡng cho cháu Min Thị L với số tiền là 1.000.000đồng (*Một triệu đồng*)/tháng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Xét thấy ý kiến đề nghị của các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với nhau, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng các điều 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, chấp nhận mức cấp dưỡng của chị Tr cho cháu Min Thị L, sinh ngày 28/05/2017 với số tiền là 1.000.000đồng (*Một triệu đồng*)/tháng, thời điểm và phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng bắt đầu từ tháng 10/2026 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Anh Min Seo Ng trực tiếp nuôi con chung là người nhận tiền cấp dưỡng cho cháu Min Thị L. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung và công sức đóng góp: Các bên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần đề cập xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[7] Ý kiến, quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang tại phiên tòa là có căn cứ cần được chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị Sú Thị Tr thuộc trường hợp đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Chị Sú Thị Tr, bị đơn anh Min Seo Ng có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 3 Điều 4, khoản 1 Điều 6, Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Chị Sú Thị Tr, xử cho Chị Sú Thị Tr được ly hôn với anh Min Seo Ng.

2. Về con chung: Giao hai cháu Min Thị L, sinh ngày 28/05/2017 và cháu Min Sy B, sinh ngày 25/06/2019 cho anh Min Seo Ng là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu L và cháu B đủ 18 tuổi. Chị Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Min Thị L, sinh ngày 28/05/2017 với số tiền 1.000.000 đồng(*Một triệu đồng*)/tháng, thời điểm và phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, kể từ tháng 10/2026 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Anh Min Seo Ng trực tiếp nuôi con chung là người nhận khoản tiền cấp dưỡng cho cháu Min Thị L.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, vì quyền lợi của con chung sau này một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các

khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn Chị Sú Thị Tr được miễn án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng.

Bị đơn anh Min Seo Ng không phải chịu án phí lý hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Chị Sú Thị Tr, bị đơn anh Min Seo Ng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 4, 6, 7 và 36 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 34 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND Khu vực 6 – Tuyên Quang;
- UBND xã T1, tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Trọng Khánh